

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2020/DS-ST;

Ngày: 07/8/2020;

V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PM, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Trung Trực**;

2/ Bà **Dương Hiền Huệ**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXX-ST ngày 16/7/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Mộng A** – sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Số 215 Ô1, Khu III, thị trấn P, huyện P, Tiền Giang.

* Bị đơn: **Trần Quang B** - sinh năm: 1972;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thị Hồng C** - sinh năm 1969 ;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A và chị C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Mộng A trình bày: Chị là chị ruột của chị C và là chị vợ của anh B. Trước đây, chị có cho anh B mượn 200.000.000 đồng, anh B hẹn thời gian sau sẽ trả cho chị. Tuy nhiên sau đó, anh B có gặp chị để yêu cầu xin được trả dần số tiền trên và cam kết tại Giấy thỏa thuận ngày 13/9/2018 âm lịch, với nội dung cụ thể như sau: Anh B trả trước cho chị 20.000.000 đồng, số tiền còn lại là 180 triệu đồng anh B sẽ trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng vào ngày 13 âm lịch cho đến khi hết số nợ. Sau khi viết cam kết, anh B chỉ trả cho chị được 36.000.000 đồng rồi ngưng cho đến nay không thực hiện.

Nay chị yêu cầu ông Trần Quang B trả cho bà số tiền đã vay còn thiếu là 144.000.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng C trình bày: Chị là em ruột của chị A và là vợ của anh B. Trước đây, chị có nợ của chị A số tiền là 160.000.000 đồng. Do chị A có đơn yêu cầu thi hành án đối với số nợ trên nên ngày 13/9/2018, anh B có viết giấy thỏa thuận với chị A, cụ thể: Anh B thừa nhận anh B có nợ chị A số tiền 200.000.000 đồng, anh B trả trước 20.000.000 đồng; số tiền còn lại là 180.000.000 đồng anh B xin được trả dần, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, trả trong vòng 60 tháng, bắt đầu từ ngày 20/9/2018. Anh B có ký tên trong giấy thỏa thuận ngày 13/9/2018 âm lịch do nguyên đơn cung cấp. Từ sau khi viết giấy thỏa thuận cho đến nay, anh B đã trả cho chị A với tổng số tiền là 56.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 144.000.000 đồng. Từ đầu năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid nên anh B ngưng không trả được cho chị A. Nay với yêu cầu khởi kiện của chị A, anh B đồng ý trả số tiền còn lại là 144.000.000 đồng, xin được trả dần hàng tháng 3.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 13/9/2018 âm lịch.

* Tại phiên tòa, chị A yêu cầu hủy giấy thỏa thuận vay tiền ngày 13/9/2018 âm lịch giữa chị A và anh B, chị A yêu cầu anh B trả cho chị A 144.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật; chị C trình bày anh B đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin được trả dần hàng, mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ theo thỏa thuận ngày 13/9/2018 âm lịch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Chị Nguyễn Mộng A khởi kiện yêu cầu hủy giấy thỏa thuận vay tiền ngày 13/9/2018 âm lịch giữa chị A và anh B, chị A yêu cầu anh B trả cho chị A số tiền 144.000.000 đồng, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn đang cư trú và sinh sống tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện P có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, chị A yêu cầu hủy giấy thỏa thuận vay tiền ngày 13/9/2018 âm lịch giữa chị A và anh B, chị A yêu cầu anh B trả cho chị A 144.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy việc chị A thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị A, Tòa xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị đơn thừa nhận trước đây bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 13/9/2018 âm lịch, bị đơn trả cho nguyên đơn được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 180.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mỗi tháng bị đơn trả cho nguyên đơn 3.000.000 đồng, trả trong vòng 60 tháng thì hoàn tất nợ; từ ngày 13/9/2018 âm lịch đến tháng 01/2020 âm lịch thì bị đơn trả cho nguyên đơn được 56.000.000 đồng; từ tháng 02/2020 âm

lịch đến nay bị đơn không toán khoản nào cho nguyên đơn vì làm ăn khó khăn do dịch Covid-19.

Như vậy, từ tháng 02/2020 âm lịch cho đến khi Tòa án xét xử thì anh B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên việc nguyên đơn yêu cầu hủy giấy thỏa thuận ngày 13/9/2018 âm lịch và buộc bị đơn trả lại số tiền 144.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 424 và Điều 427 Bộ luật dân sự nên Tòa án chấp nhận.

[5] Về án phí do yêu cầu của chị A được chấp nhận toàn bộ nên anh B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho chị A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 423, Điều 427 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mộng A đối với anh Trần Quang B.

Hủy giấy thỏa thuận vay tiền ngày 13/9/2018 âm lịch giữa chị Nguyễn Mộng A đối với anh Trần Quang B.

Buộc anh Trần Quang B có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Mộng A số tiền vốn là 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng), trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Anh Trần Quang B phải chịu 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Mộng A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003824 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy